

TOÀ ÁN L DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ X VIỆT NAM

TỈNH THANH HÓA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2020/DS-PT

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Tranh chấp
về chia di sản thừa kế”.

L DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ X VIỆT NAM

TOÀ ÁN L DÂN TỈNH THANH HOÁ

- O phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 35/2020/TLPT ngày 17 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp: “Tranh chấp về chia di sản thừa kế”. Do bản án số 03/2020/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã BS bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐ-PT ngày 01/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51 ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Lê Văn A (tên gọi khác Lê O A) – SN 1954 (đã chết)

Người kế thừa quyền và X vụ của ông A: Bà Lại Thị B, sinh năm 1959 (vợ ông A)

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1957

Đều trú tại: Thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Lê Khắc D – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7 trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh hóa.

3. Bà Lê Thị E, sinh năm 1957

Trú tại: Thôn 3 xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh hóa

*** Bị đơn:** 1. Ông Lê Văn F sinh năm 1945

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1953

Đều trú tại: Thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh hóa

Người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn F và bà Nguyễn Thị G: Luật sư Đặng O H, sinh năm 1980, công Y tại công ty Luật An Ninh, đoàn luật sư ở phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và X vụ liên quan:**

1. Ủy ban L dân thị xã BS

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Tuấn O – Chủ tịch UBND

Người được ủy quyền: Bà Vũ Thị Ngọc Lan – Phó phòng TN & MT

2. Ông Lê Quang I - sinh năm 1938

Trú tại: Thôn 3 xã QT, Thị xã BS, tỉnh Thanh hóa

(Ông Lê Quang I có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 16/10/2019)

3. Chị Lê Thị K - sinh năm 1980

Trú tại: Khu Tập thể nhà máy xi măng Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị Lê Thị Linh L - sinh năm 1988

Trú tại: SN 03/189, Trịnh Khả, P. Đông Vệ, O phố Thanh hóa, tỉnh Thanh hóa

5. Chị Lê Thị M sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 5, QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa

(Chị K, chị M, chị L ủy quyền cho luật sư Đặng O A theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trịnh Quốc O, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn 3, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

3. Ông Tống Văn Q, sinh năm 1956

Trú tại: Thôn 3, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

4. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

5. Ông Lại Thế Y, sinh năm 1930

Trú tại: Thôn 4, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

6. Ông Đỗ Ngọc U, sinh năm 1952

Trú tại: Thôn 4, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

7. Ông Trịnh Văn X, sinh năm 1953

Trú tại: Thôn 3, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

8. Ông Vũ Ngọc Z, sinh năm 1945

Trú tại: Thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

Tại phiên tòa, có mặt các nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đại diện của UBND thị xã BS và một số người có quyền lợi, X vụ liên quan là con ông F, bà G. Vắng mặt ông Lê Quang I.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn C, Lê Thị E và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn A là bà Lại Thị B trình bày:

Cụ Lê Văn Úy lấy bà cả sinh được 3 người con gồm Lê Quang I, Lê Văn F và Lê Quang Diệu. Năm 1952 bà cả mất.

Năm 1953, cụ Úy kết hôn với cụ Kỉnh sinh được 03 người con là Lê Văn A sinh năm 1954, Lê Văn C sinh năm 1957 và Lê Thị E sinh năm 1963. Cụ Úy mất năm 1997; Cụ Kỉnh mất năm 2006. Ông Lê Xuân Diệu đã hy sinh năm 1972 chưa có vợ, con. Năm 1963 cụ Úy và cụ Kỉnh theo C sách nhà nước tổ chức di dân định cư khai hoang tại vùng Trạch Lâm (nay là xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa). Khi đi khai hoang cụ Úy và cụ Kỉnh có tháo dỡ căn bếp đi để làm nhà ở tạm thời ở đồi Trạch Lâm nay là thôn 5 xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh hóa và để lại căn nhà 05 gian tại Hoằng Quý, Hoằng Hóa, Thanh Hóa cho ông F và ông I ở. Thời gian đó ông F và ông I ở quê Hoằng Hóa.

Năm 1978, ông F lấy vợ và ở Hoảng Hóa Thanh Hóa, ở cùng với vợ chồng ông I. Tháng 8 năm 1978, ông C đi bộ đội tham gia bảo vệ phía Tây Nam Cam Pu Chia. Do có mâu thuẫn giữa hai chị em dâu là vợ ông I và vợ ông F nên năm 1982, ông F và vợ là bà Nguyễn Thị G xin ra ở cùng diện tích nhà đất tại thôn 5 xã QT, thị xã BS cùng với cụ Úy và cụ Kễnh. Năm 1984, do trong gia đình đông con, nên bà Lê Thị E có viết đơn xin cấp đất nhưng trong đơn lại ghi tên ông Lê Văn F diện tích đất (theo bản đồ địa C 299 đo năm 1985 là thửa số 288). Thời điểm này, ông Lại Thế Y là bố đẻ của bà Lại Thị B có ý định xin đất cho bà B và ông A. Sau đó ông A và bà B được sự giúp đỡ của ông Y đã làm nhà và đón cụ Úy và cụ Kễnh cùng bà E đến ở cùng. Trong đơn xin đất ghi tên ông Lê Văn F. Căn nhà này ông A và bà B đã bán vào năm 1997.

Quá trình giải quyết vụ án, các ông Lê Quang I, Lê Văn A, Lê văn C, bà Lê Thị E có đơn gửi các cấp ông F lúc nhỏ và lớn lên ở tại Hoảng Hóa Thanh hóa không có công sức gì với cụ Úy và cụ Kễnh để khai hoang tạo dựng trên mảnh đất và ngôi nhà của ông Úy và bà Kễnh và các con A của ông Úy và bà Kễnh. Năm 1997, cụ Úy chết không để lại di chúc. Ngày 14/10/2003, cụ Kễnh nhận thấy anh em trong gia đình có sự mâu thuẫn về đất đai nên đã gọi ông A, ông C và bà E ông I, ông F về họp gia đình với mục đích chia thừa kế đối với diện tích tại thửa đất số 986 (là thửa số 40 theo bản đồ đo năm 1997) tại thôn 5, xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh hóa. Cuộc họp được ông Lê Văn F ghi biên bản họp với mục đích chia quyền sử dụng đất. Các o viên trong gia đình đều thừa nhận nguồn gốc là của ông Úy và bà Kễnh. Trong cuộc họp đã xác định ranh giới đất nhưng không thống nhất được cách chia. Cụ thể ông C, ông A và bà E không đồng ý nhận 10m mặt đường theo ý kiến của ông F.

Năm 2006, cụ Kễnh chết không để lại di chúc anh em trong nhà có bàn bạc chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại nhưng không thống nhất được nên ông C, ông A và bà E đã nhờ C quyền thôn hòa giải vào ngày 22/08/2008.

Nay các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản là thửa đất số 986 bản đồ địa C 299 phê duyệt và công nhận năm 1985, đồng thời đề nghị Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C364176 ngày 23 tháng 9 năm 1994

mang tên bà Nguyễn Thị G. Riêng bị đơn Ông Lê Văn C đề nghị Tòa án xem xét ông F đã bán đi 22m mặt đường đất của cụ Úy và cụ Kênh nên đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế đối với phần đất đã bán đi.

Tại bản tự khai ngày 9 tháng 9 năm 2019 của ông Lê văn F; biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 10 năm 2019 và văn bản phản tố ngày 14 tháng 10 năm 2019 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn F trình bày:

Về quan hệ huyết thống, ông F thông nhất như nguyên đơn khai trình. Năm 1963 ông F đi bộ đội xa nhà. Năm 1978 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị G tại Hoàng Quý, Hoàng Hóa Thanh Hóa. Năm 1982 vợ chồng ông về sống cùng với ông Úy và bà Kênh tại thôn 5 xã QT. Do gia đình đông người nên ông có xin UBND xã QT một diện tích đất khoảng gần 2 sào ở khu Chôm Vang (Lúc đó hợp Y xã Tân Sơn đã hợp cho và ghi vào sổ địa C) Do diện tích đất đó có ao, lại thấp nên bố mẹ đã đổi cho ông để xuống đó sinh sống, còn vợ chồng con cái gia đình ông sống tại đất cũ của ông Úy và bà Kênh. Diện tích đất tại khu Chôm Vang gia đình ông A bà B đã bán cho anh Ngoan. Bà G là xã viên hợp Y xã Tân sơn, còn ông ở xa nhà. Năm 1994, ủy ban L dân thị xã BS đã cấp giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất cho gia đình ông mang tên bà Nguyễn Thị G. Vào năm 2003, do ông thấy rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên ông, nên ông đã ghi biên bản họp phân chia quyền sử dụng đất nhưng không được sự nhất trí của các anh em trong gia đình. Đến nay, quan điểm của ông F không nhất trí chia thừa kế đối với diện tích đất tại thửa 986, vì đất đó đã được cấp cho gia đình ông.

Tại đơn phản tố ngày 14/10/2019 ông F đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho 3 hộ ông Lê Văn A, Lê Văn C và bà Lê Thị E ngày 06/02/2018 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông như trước đây.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2020 bà Nguyễn Thị G khai nhận:
Năm 1993 nhà nước thực hiện C sách giao đất cho những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và định cư cho những người cư trú nên có chủ trương giao đất ổn định lâu dài cho các hộ nông dân. Theo quyết định số 201 QĐ/ĐKTK ngày 14 tháng 7 năm 1989 của tổng cục quản lý ruộng đất đã ban hành quy định về cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban L dân thị xã BS, đã ban hành quyết định số 71/QĐ/UBBS ngày 23 tháng 9 năm 1994 về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 716 hộ thuộc hợp Y xã Tân sơn thuộc xã QT, thị xã BS. Việc UBND thị xã BS căn cứ vào hồ sơ địa chính cũng như bản đồ 299 lập năm 1985 để xác định quyền sử dụng đất hợp pháp đến thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình.

Ngày 23/9/1994, gia đình ông F được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C364176 mang tên bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng 3.409 m², trong đó đất thổ cư là 200m²; đất thổ canh là 876m² còn lại là đất lúa ở các thửa khác nhau. Cũng thời điểm đó, hộ cụ Lê Văn Úy và Cụ Nguyễn Thị Kênh cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C364122 vào sổ số C315 QDSDĐ tổng cộng 1.776m² đất trong đó 200m² đất thổ cư và 566 m² đất thổ canh thuộc thửa số 325 là thửa đất mà ông F đã đổi cho cụ Úy.

Đây là thực hiện theo C sách ruộng đất cho tất cả 716 hộ thuộc hợp Y xã Tân Sơn, xã QT mà vợ chồng bà và cụ Úy cụ Kênh đều là xã viên. Thời điểm năm 1993 điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất là thửa đất được ghi nhận đầy đủ trên sơ đồ địa C cấp cho người thực tế đang sử dụng đất trong đó hồ sơ địa C và sổ mục kê ghi nhận thửa đất tên người sử dụng đất duy nhất từ năm 1985 đến nay. Vì vậy bà G cho rằng việc đề nghị hủy giấy chứng nhận số C364176 mang tên gia đình bà Nguyễn Thị G và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất của các nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật.

Quá trình tòa án giải quyết đại diện ủy ban L dân thị xã BS có ý kiến như sau: Theo bản đồ địa C 299 xã QT duyệt công nhận năm 1985 vị trí đất tranh chấp tại thửa số 986 tờ bản đồ số 1 tỷ lệ 1/2000, diện tích nguyên thửa 1.616 m² loại đất T trong sổ mục kê không ghi tên chủ sử dụng.

Theo bản đồ địa C xã QT đo vẽ và công nhận tháng 12 năm 1997 đang lưu giữ tại 3 cấp vị trí đất tranh chấp tại thửa số 40 tờ bản đồ số 16 tỷ lệ 1:1000 diện tích nguyên thửa 1.263 m² trong sổ mục kê ghi đất ở là: 200m². Đất vườn là 1.036 m² tên chủ sử dụng đất là Lê Văn F.

Theo bản đồ địa C xã QT đo vẽ và công nhận tháng 12/2011 vị trí đất tranh chấp thuộc thửa số 262 tờ bản đồ số 56 tỷ lệ 1/1000. Diện tích đất nguyên thửa 1451,4 m² trong sổ mục kê ghi đất ở 120m² đất trồng cây lâu năm khác 1.451,4 m² tên chủ sử dụng ông Lê Văn F.

Căn cứ quyết định số 201 QĐ/ĐKTK ngày 14 tháng 7 năm 1989 của tổng cục quản lý ruộng đất ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định số 117 NN/UBTH ngày 21/10/1993 của UBND tỉnh Thanh hóa quy định về giao đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân. Tờ trình số 73 TT/UB ngày 20/08/1994 của UBND xã QT và phương án kèm theo về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nông dân. Theo đó, UBND thị xã BS đã ban hành quyết định số 71 QĐ/UBBS ngày 23/9/1994 về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 716 hộ thuộc hợp Y xã Tân Sơn, QT (cũ) trong đó hộ bà Nguyễn Thị G được UBND thị xã BS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị G ngày 23/9/1994 tổng diện tích được cấp là 3.409m² bao gồm: đất thổ cư 200m², 876 m² đất thổ canh, tờ số 1 bản đồ 299 xã QT thị xã BS, duyệt công nhận năm 1985 và 2.3433 m² đất nông nghiệp.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị G thời điểm năm 1994, bà G là xã viên hợp Y xã Tân Sơn, gia đình bà có tên trong sổ đăng ký ruộng đất lâu dài ổn định. Bản đồ 299 không có tên của ai. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng có những sai sót.

Căn cứ vào hai bản án (bản án sơ thẩm số 04/ DSST ngày 27/5/2016 của TAND thị xã BS và bản án phúc thẩm số 85/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án L dân tỉnh Thanh Hóa) có Q lực pháp luật, Chi cục thi hành án dân sự thị xã BS đã ra quyết định thi hành số 42/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 8 năm 2017, biên bản cưỡng chế chuyển giao quyền sử Dụng đất ngày 16/8/2017 của chi cục thi hành án dân sự BS, Ủy ban nhân dân thị xã BS đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất phát hành số CH145188 vào sổ cấp ngày 26/02/2018 tổng diện tích 538,0 m² đất ở tại nông thôn 109,3 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 417, tờ bản đồ số 56, bản đồ địa C xã QT duyệt công

nhận năm 2011. Địa chỉ thửa đất tại thôn 5 xã QT, thị xã BS đối với ông Lê O A, ông Lê Văn C, bà Lê Thị E.

Ngày 14/02/2019, Chánh án Tòa án L dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2019/KN-DS về việc kháng nghị đối với bản án số 85/2016/DSPT ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở đó, ngày 06/03/2019 UBND thị xã BS đã ban hành quyết định số 399/UBND –TNMT về việc đề nghị tạm dừng việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn tặng cho và các thủ tục khác liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất số CH 145188 vào sổ cấp ngày 26/02/2018, tổng diện tích 538,0 m² đất ở tại nông thôn 109,3 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 417, tờ bản đồ số 56 bản đồ địa C xã QT duyệt công nhận năm 2011, địa chỉ thửa đất tại thôn 5 xã QT, thị xã BS đối với ông Lê O A, ông Lê Văn C, bà Lê Thị E. Nay 2 bản án đã bị hủy giao về giải quyết sơ thẩm lại, ông F có đơn phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho 3 hộ ông Lê Văn A, Lê Văn C và bà Lê Thị E ngày 06/02/2018. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2019 ông Lê Quang I trình bày:

Ông là con đầu của ông Úy với người vợ cả. Về nguồn gốc đất của gia đình như thế nào ông cũng không nắm được cụ thể. Sau cải cách ruộng đất, ông pB xa nhà đi bộ đội, làm công L đường sắt sau đó về hưu. Năm 1980, ông F về A sống cùng với ông Úy và bà Kềnh, bà G là xã viên hợp Y xã Tân Sơn (thuộc xã Hà Dương nay là xã QT) diện tích đất là bao nhiêu, tên của ai ông không nắm được. Khi ông Úy còn sống thì không xảy ra tranh chấp gì. Năm 1997, khi ông Úy chết thì đến năm 2003 gia đình mới xảy ra tranh chấp đất đai. Bà Kềnh và các con có họp bàn giải quyết tranh chấp đất đai chứ chưa được cấp nào giải quyết. Bản thân ông già yếu không thể tham gia tố tụng được nên ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ông cũng không có yêu cầu gì về tài sản thừa kế.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Lại Thị B khai trình: Bà về ở A với bố mẹ chồng là cụ Úy và cụ Kềnh từ năm 1980, sống cùng với các em chồng rất hòa thuận. Năm 1983 bà G (vợ ông F) do

mất đoàn kết với vợ ông I nên dẫn hai con ra ở với bố mẹ chồng. Do gia đình đông người nên bà có bàn với chồng là ông A là nhờ bố đẻ (ông Lại Thế Y) xin đất (đơn do cô E viết, nhưng viết tên ông F). Do hoàn cảnh khó khăn nên bà có nhờ ông Y nhờ người đóng gạch làm nhà tại thửa đất số 288 (bản đồ 299 tại khu Chôm Vang) chứ không phải là đất của ông F. Gia đình ghi tên ông F xin đất nhưng thực chất thửa đất số 288 là đất xin cho ông A. Do lúc đó ai ở đâu thì nhà nước cấp trích lục cho người đó nên trích lục mang tên ông Úy nhưng là nhà đất của bà B ông A. Năm 1997 gia đình bà đã bán cho ông O Ngoan là người cùng xóm, lúc đó anh em trong nhà không có ý kiến gì cả. Năm 2003, gia đình đã họp chia thừa kế đối với thửa đất số 986 theo bản đồ địa C 299 cuộc họp do ông F viết biên bản nhưng anh em không nhất trí. Đến nay, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản như bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã xét xử là đúng. Việc Tòa án cấp cao hủy hai bản án là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Linh L, Lê Thị M, Lê Thị K là các con của ông F và Bà G trình bày: Ngày 23 tháng 9 năm 1994, gia đình chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C364176 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C367 QSDĐ mang tên gia đình Nguyễn Thị G được quyền sử dụng 3409 m² tại xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Thời điểm cấp giấy chị Lê Thị K đã 14 tuổi, chị M đã 12 tuổi và chị L đã 6 tuổi. Các o viên trong gia đình là chủ thể trực tiếp quản lý sử dụng sản xuất canh Y nông nghiệp, nuôi trồng gia súc. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai thắc mắc gì về việc cấp giấy cho đến khi cụ Úy chết năm 1997 thì mới xảy ra tranh chấp giữa các con cụ Úy và cụ Kềnh. Các chị Lê Thị Linh L, Lê Thị M, Lê Thị K cho rằng việc ông A, ông C và bà E đề nghị chia thừa kế đối với mảnh đất đã được cấp cho hộ gia đình ông Lê văn F, bà Nguyễn Thị G là không có căn cứ pháp lý.

Quá trình Tòa án giải quyết: Có một số người làm chứng về nguồn gốc diện tích đất tại thửa 986 là của ông Úy và bà Kềnh và làm chứng đối với thửa đất 288, việc ông Y xin đất mặc dù lấy tên của ông F, nhưng thực tế là xin đất cho bà B, ông A. Ông Lại Thế Y là bố đẻ của bà B trình bày: Ông là thông gia với cụ Úy và cụ Kềnh. Vì gia đình bên chồng bà B đông anh em nên năm 1983 cụ Úy có nói

với ông để nhờ ông xin đất. Thời gian đó ông F và ông I đã có nhà ở quê Hoằng Hóa, ông A và ông C đang đi bộ đội. Mặc dù giấy tờ đứng tên xin đất là tên ông F, nhưng thực chất là xin cho bà B và ông A và sau này nhà và đất ông A và bà B đã bán cho anh O, chị Ngoan. Anh Trịnh Quốc O là người mua căn nhà của bà B và ông A, cũng thừa nhận sự việc này. Hiện nay, anh O vẫn chưa làm được giấy tờ vì đất đang có tranh chấp nên anh O đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng để anh làm giấy tờ đất. Chị Nguyễn Thị P, anh Tổng Văn Q khẳng định thửa đất 288 do ông Y có ý định xin đất cho bà B nhưng không lấy tên bà B mà lấy tên ông F. Chị P là người làm chứng cho biết năm 1984 bà G ra ở với ông Úy và bà Kênh, nhưng do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không ở được. Có lần chị thấy bà Kênh đến nhà bà G để đòi đất. Anh Nguyễn Văn R chứng kiến việc anh em họp bàn về việc chia đất vào khoảng năm 2003, có mời anh là người chứng kiến, ông F là người ghi biên bản chia đất và anh ký vào biên bản là người làm chứng. Ông Đỗ Ngọc U khẳng định nguồn gốc đất tại thửa 986 anh em đang tranh chấp là của ông Lê Văn Úy và bà Nguyễn Thị Kênh. Ông là hàng xóm và là bạn của ông A nên biết rõ nguồn gốc đất. Thời kỳ đó ông F đi bộ đội, cưới vợ ở Hoằng Hóa và sau đó ly hôn, ông F lại đi bộ đội tiếp.

Tòa án các cấp đã giải quyết vụ án này như sau:

** Tại bản án dân sự sơ thẩm lần 1 số 04/2016/DSST ngày 27/5/2016 Tòa án thị xã BS đã Quyết định:*

- Hủy một phần Quyết định 71/QĐ/UBBS ngày 23/9/1994 của UBND thị xã BS về phân giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị G. UBND có X vụ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C36476 mang tên hộ bà Nguyễn Thị G để làm lại thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Pháp luật.

- Chia cho ông Lê Văn A, Lê Văn C, Lê Thị E được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Kênh gồm: 538m² đất tại thôn 5 xã QT, thị xã BS. Cụ thể mỗi người được chia quyền sử dụng 179,33m² có giá trị 137.708.000đ.

- Tạm giao phần di sản của cụ Lê Văn Ủy gồm 1/2 thửa đất số 986 có diện tích 538m² cho ông Lê Văn F tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 08/6/2016 ông F và bà G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại bản án dân sự phúc thẩm số 85/2016/ DSPT ngày 16/9/2016 Tòa án L dân tỉnh Thanh Hóa Quyết định:*

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Dữ bà Nguyễn Thị G.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04 ngày 07/5/2014 của Tòa án L dân thị xã BS.

Ngày 30/12/2016 người bảo vệ quyền lợi cho ông F, ông F bà G có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

** Tại QĐ kháng nghị số 06/2019/KN - DS ngày 14/02/2019 đã Quyết định:*

- Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án cấp cao tại Hà Nội: Hủy bản án bản án dân sự phúc thẩm số 85/2016/ DSPT ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và hủy bản án sơ thẩm số 04/ 2016/DSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa đối với vụ án " Tranh chấp di sản thừa kế".

- Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa xem xét lại.

*** Tại bản án số 03/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã BS đã Quyết định:**

Áp Dụng: Khoản 5 điều 26; điều 34; khoản 1 điều 147 của BLTTDS; điều 623;649;650 của BLDS năm 2015.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A, Lê Văn C, bà Lê Thị E về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 986 bản đồ 299 (bản đồ địa C xã QT, thị xã BS, Thanh Hóa).

- Đề nghị Ủy ban L dân thị xã BS thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê O A, Lê Văn C, Lê Thị E đối với diện tích đất 538,0 m², thửa đất số 417, tờ bản đồ số 56 bản đồ địa C xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh hóa được Ủy ban L dân Thị xã BS cấp giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất ngày 26/02/2018.

- Ông Lê Văn F và bà Nguyễn Thị G liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên X vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2020, nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 một cách công bằng, C xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, người kế thừa quyền X vụ của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị E không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, không đương sự nào cung cấp Gm tài liệu chứng cứ mới.

Quan điểm bảo vệ của trợ giúp viên cho ông C nguyên đơn: Vụ án có nhiều thiếu sót về tố tụng và nội dung, nếu khắc phục được những vi phạm, thiếu sót của cấp sơ thẩm thì đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất 986 là di sản thừa kế của cụ Úy và cụ Kênh và chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bảo vệ của luật sư cho bị đơn: Việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà G là đúng trình tự theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là tài sản của ông F, bà G. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện UBND thị xã BS: Việc cấp GCNQSD đất của bà G năm 1994 là đúng quy trình và thủ tục. Việc cấp GCNQSD đất cho ông A, ông C, bà E năm 2018 trên cơ sở thi hành bản án có Q lực pháp luật của tòa án tỉnh Thanh Hóa. Quan điểm của UBND thị xã BS đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu phản tố của ông F theo quy định tại Điều 34 BLTTDS.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm HĐXX và những người tham gia tố tụng tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 03/2020/DSST ngày 06/5/2020 của TAND thị xã BS do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, thiếu các tài liệu, chứng cứ mà không thể bổ sung được.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của luật sư, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị E có đơn kháng cáo ngày 15/5/2020 trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người kế thừa quyền X vụ của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị E yêu cầu Tòa án: chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tại thửa đất số 986 địa chỉ thôn 5 xã QT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” là đúng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Văn C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị E đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 một cách công bằng, chính xác:

Xét quá trình giải quyết vụ án của tòa án cấp sơ thẩm thấy rằng: Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản của của Ủy và cụ Kênh tại thửa đất số 986 bản đồ 299 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất tại thửa số 986 tờ bản đồ số 1 bản đồ địa C xã QT mang tên hộ bà Nguyễn Thị G. Ngày 14/10/2019, bị đơn ông Lê Văn F có đơn yêu cầu phản tố: *Đề nghị Tòa giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất của ông A, C, E theo bản án sơ thẩm số 04/2016 ngày 27/5/2016 và bản án phúc thẩm số 85/2016 ngày 16/9/2016 của Tòa án L dân tỉnh Thanh Hóa.*

Về nguyên tắc khi có yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc người có quyền lợi, X vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Tòa cấp sơ thẩm cần xem xét về thẩm quyền giải

quyết để tránh vi phạm tố tụng. Xem xét diện người tham gia tố tụng để ra thông báo bổ sung thụ lý vụ án đối với yêu cầu phản tố, thông báo bổ sung người tham gia tố tụng và gửi các thông báo này cho VKS cùng cấp và các đương sự để họ biết thực hiện quyền và X vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 34 của BLTTDS và Điều 32 Luật tố tụng Hành chính thì khi giải quyết các vụ việc có liên quan đến quyết định cá biệt (theo yêu cầu phản tố của bị đơn hủy giấy chứng nhận QSD đất của hộ ông A, C, E), thẩm quyền giải quyết của vụ án này là của Tòa án tỉnh chứ không pB thẩm quyền của Tòa án cấp huyện. Tòa án nhân dân BS không chuyển hồ sơ vụ án theo thẩm quyền, không ra thông báo bổ sung yêu cầu phản tố và thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, trong vụ án này người có quyền lợi, X vụ liên quan không đưa UBND xã QT vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Việc tòa cấp sơ thẩm để vụ án lại giải quyết và tuyên "*Đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã BS thu hồi giấy chứng nhận quyền sử Dụng đất cấp cho ông Lê O A, Lê Văn C, Lê Thị E...*" là vi phạm về thẩm quyền giải quyết, đây là nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ các nhận định trên, có cơ sở chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích của ông C nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự số 03/2020/DSST ngày 06/5/2020 của Tòa án L dân thị xã BS. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Do hủy toàn bộ bản án về tố tụng nên không xét nội dung của vụ án theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị E, Lại Thị B.

[5] Về án phí: Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị E, Lại Thị B không pB chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự số 03/2020/DSST ngày 06/5/2020 của Tòa án L dân thị xã BS. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị E, Lại Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND thị xã BS;
- Chi cục THA thị xã BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung